

BÁO CÁO

sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 21/01/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng

Thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 21/01/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Chỉ thị số 28-CT/TW) và Hướng dẫn số 02-HD/BTCTW, ngày 12/4/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng (Hướng dẫn số 02-HD/BTCTW); Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. Kết quả thực hiện

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TW

- Thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TW và Hướng dẫn số 02-HD/BTCTW, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 100-KH/TU, ngày 27/8/2019 và Công văn số 3313-CV/TU, ngày 13/2/2019 để tổ chức triển khai thực hiện. Trên cơ sở đó, Ban Tổ chức Tỉnh ủy ban hành Hướng dẫn số 06-HD/BTCTU, ngày 26/9/2019 và tổ chức hội nghị trực tuyến quán triệt chỉ thị, hướng dẫn, kế hoạch nêu trên để thống nhất thực hiện.

- Bên cạnh đó, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 11-KH/TU, ngày 24/5/2021 về nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên giai đoạn 2021 - 2025; Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 42-CTr/TU, ngày 27/10/2022 thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới. Năm 2023, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì tổ chức Hội nghị chuyên đề “Thực trạng và giải pháp công tác phát triển đảng viên”, sau Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Thông báo Kết luận số 595-TB/TU, ngày 21/8/2023 và Kế hoạch số 97-KH/TU, ngày 08/11/2023 về phát triển đảng viên trong học sinh, sinh viên, doanh nghiệp không có vốn nhà nước để triển khai thực hiện trong toàn Đảng bộ tỉnh.

Trên cơ sở đó, các ban Tỉnh ủy, thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, cấp ủy cơ sở, chi bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch triển khai, thực hiện.

2. Kết quả nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên

2.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện công tác phát triển đảng viên

- Trên cơ sở Chỉ thị số 28-CT/TW, Kế hoạch và Chương trình, các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các tổ chức cơ sở đảng đã xây dựng nghị quyết, kế hoạch chuyên đề, đăng ký chỉ tiêu phấn đấu hàng năm và đề ra các giải pháp để nâng cao chất lượng phát triển đảng viên, nhất là phát triển đảng trong đoàn viên, thanh niên, học sinh, sinh viên, người đồng bào dân tộc thiểu số, người có đạo, người lao động trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước và những nơi chưa có đảng viên, chưa có tổ chức đảng. Một số cấp ủy cấp trên cơ sở và Ban Thường vụ Tỉnh đoàn đã tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo¹ về công tác kết nạp đảng viên, nâng cao chất lượng tổ chức đảng và đảng viên.

- Định kỳ hàng năm và đột xuất các cấp ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã tổ chức kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc² các tổ chức đảng trong việc triển khai thực hiện công tác phát triển đảng; đồng thời trong kiểm điểm, đánh giá, xếp loại hàng năm đều đưa công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên là một trong các tiêu chí đánh giá, xếp loại tập thể cấp ủy, tổ chức đảng.

2.2. Kết quả công tác tạo nguồn và kết nạp đảng viên

- Các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy³ chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc rà soát nguồn, xây dựng kế hoạch, phát hiện những nhân tố tích cực, quần chúng ưu tú để bồi dưỡng, giáo dục, tạo nguồn phát triển đảng viên⁴; đồng thời chỉ đạo ban tuyên giáo, ban tổ chức phối hợp với trung tâm chính trị cấp huyện xây dựng chương trình, kế hoạch mở lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng và lớp đảng viên mới, thực hiện các quy trình kết nạp đảng viên theo quy định⁵.

- Các cấp ủy cơ sở thực hiện tốt việc giáo dục, phân công đảng viên giúp đỡ đảng viên dự bị, đảng viên mới được kết nạp tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất, đạo đức lối sống, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được phân công. Quy trình, thủ tục công nhận đảng viên chính thức của các tổ chức cơ sở đảng đảm bảo theo quy định, đúng thời gian.

¹ (1) Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tổ chức Tọa đàm về "Xây dựng tổ chức đảng và phát triển đảng viên trong doanh nghiệp". (2) Thành ủy Bảo Lộc tổ chức Tọa đàm "Công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên công tác quản lý đảng viên đang công tác và nơi cư trú". (3) Huyện ủy Đạ Tẻh tổ chức Tọa đàm "Đẩy mạnh tạo nguồn kết nạp đảng viên ở Chi bộ thôn, tổ dân phố và công tác rà soát, phát hiện, giáo dục, giúp đỡ, sàng lọc, đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng". (4) Huyện ủy Đam Rông tổ chức Tọa đàm nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên đề tại các chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở và phát triển Đảng ở khu dân cư. (5) Huyện ủy Cát Tiên tổ chức Tọa đàm "Một số giải pháp nâng cao chất lượng tổ chức Đảng và đảng viên". (6) Huyện ủy Di Linh, Công tác tạo nguồn kết nạp đảng viên và quản lý đảng viên ở chi bộ thôn, tổ dân phố; (7) Huyện ủy Bảo Lâm, Công tác tạo nguồn kết nạp đảng viên và quản lý đảng viên trong toàn Đảng bộ huyện; (8) Tỉnh đoàn, tổ chức diễn đàn: Thanh niên với Đảng - Đảng với thanh niên, chủ đề: "Nâng cao chất lượng công tác phát triển Đảng trong đoàn viên, thanh niên trên địa bàn tỉnh".

² Xây dựng 03 kế hoạch và thành lập các Tổ, Đoàn kiểm tra việc thực hiện công tác phát triển Đảng với 03 đợt kiểm tra trong các năm 2022, 2023 với 39 lượt đối với Ban Tổ chức các Huyện ủy, Thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy.

³ Bảo Lâm, Đức Trọng, Đạ Tẻh, Di Linh, Đam Rông, Đà Lạt...

⁴ Đa số huyện ủy, thành ủy đã chỉ đạo các đảng ủy xã, phường, thị trấn phân công đảng ủy viên, cán bộ, công chức cấp xã về tham gia sinh hoạt ở thôn, tổ dân phố để theo dõi tạo nguồn, kết nạp đảng viên ở thôn, tổ dân phố.

⁵ Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, toàn Đảng bộ đã tổ chức được 8.527 quần chúng tham gia học lớp nhận thức về Đảng (dự kiến cả nhiệm kỳ 13.230); đã kết nạp 3.977 đảng viên, đạt 43,5% chỉ tiêu Nghị quyết; 46,42% so với số được bồi dưỡng; trong đó: năm 2020 kết nạp: 1.159 đảng viên; năm 2021: 1.227 đảng viên, năm 2022: 1.195 đảng viên; 06 tháng đầu năm 2023: 396 đảng viên. Được phân bố như sau: (1) công chức, viên chức 2.707; (2) trong các doanh nghiệp 369; (3) nông dân 282; (4) lực lượng vũ trang 530; (5) sinh viên, học sinh 37 (31 sv, 06 hs); (6) khác 52. Đoàn viên TNCSHCM 1.806; nữ 2.189; dân tộc thiểu số 671; tôn giáo 621 đảng viên.

- Việc kết nạp lại đảng viên, kết nạp vào Đảng đối với người vi phạm chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình⁶, kết nạp chủ doanh nghiệp tư nhân vào Đảng⁷, kết nạp đảng viên là người có đạo⁸ được thành ủy, huyện ủy, đảng ủy cấp trên cơ sở, cấp ủy cơ sở quan tâm hơn so với trước. Kết quả từ đầu nhiệm kỳ đến nay toàn Đảng bộ kết nạp được 5.006 quần chúng vào Đảng⁹.

(Có biểu số liệu thống kê, phân tích kèm theo)

3. Công tác rà soát, sàng lọc đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng theo Chỉ thị 28-CT/TW

- Công tác rà soát, sàng lọc đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng được các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm thực hiện, hằng tháng, quý đều chỉ đạo thực hiện việc rà soát, giáo dục, quản lý, phân công nhiệm vụ, giúp đỡ đảng viên. Việc cụ thể hóa các tiêu chí, quy trình rà soát, phát hiện, giáo dục, giúp đỡ, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng được cấp ủy, chi bộ thực hiện khá nghiêm túc.

- Qua rà soát, khi phát hiện các trường hợp chưa đến mức phải áp dụng thực hiện theo Hướng dẫn số 02-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương, cấp ủy, chi bộ gặp đảng viên để giáo dục, phân tích, thực hiện các quy trình đề hướng dẫn, theo dõi, cam kết việc khắc phục, sửa chữa của đảng viên.

- Đối với trường hợp đảng viên vi phạm¹⁰, sau thời gian được chi bộ giáo dục, chi ủy viên, đảng viên theo dõi, giúp đỡ, động viên, nhắc nhở nhưng không tiến bộ, giảm sút ý chí phấn đấu, không làm nhiệm vụ đảng viên, không còn tha thiết với Đảng thì kiên quyết đưa ra khỏi Đảng.

- Các quy trình trước khi đề nghị xóa tên trong danh sách đảng viên được đa số các cấp ủy, chi bộ họp thực hiện khá tốt, vì vậy đa số các trường hợp bị đưa ra khỏi Đảng ít có khiếu nại.

⁶ Từ đầu nhiệm kỳ đến nay đã có 15 quần chúng vi phạm được kết nạp vào Đảng.

⁷ Từ đầu nhiệm kỳ đến nay đã kết nạp được 03 quần chúng ưu tú là chủ doanh nghiệp tư nhân vào Đảng.

⁸ Công giáo 290; Tin lành 104; Phật giáo 216; Cao đài 09; khác 02.

⁹ Năm 2020: Đến ngày 31/12/2020, kết nạp 1.159 đảng viên, trong đó có 174 đảng viên mới kết nạp là người có đạo, 645 đảng viên trong độ tuổi Đoàn, 191 đảng viên là người dân tộc thiểu số. Có 220/273 đảng bộ cơ sở có kết nạp đảng viên mới, 08 đảng bộ cơ sở không còn quần chúng; 155/488 chi bộ cơ sở có kết nạp đảng viên; trong đó 74 chi bộ cơ sở không còn quần chúng. Năm 2021: kết nạp 1.227 đảng viên, trong đó có 189 đảng viên mới kết nạp là người có đạo, 387 đảng viên trong độ tuổi Đoàn, 200 đảng viên là người dân tộc thiểu số. Có 235/273 đảng bộ cơ sở có kết nạp đảng viên mới, 09 đảng bộ cơ sở không còn quần chúng; 137/503 chi bộ cơ sở có kết nạp đảng viên; trong đó 77 chi bộ cơ sở không còn quần chúng. Năm 2022: kết nạp 1.195 đảng viên, trong đó có 182 đảng viên mới kết nạp là người có đạo, 387 đảng viên trong độ tuổi Đoàn, 182 đảng viên dân tộc thiểu số. Có 232/273 đảng bộ cơ sở có kết nạp đảng viên mới, 14 đảng bộ cơ sở không còn quần chúng; 151/495 chi bộ cơ sở có kết nạp đảng viên; trong đó 103 chi bộ cơ sở không còn quần chúng. Năm 2023: kết nạp được 1.425 đảng viên, vượt 19,25% so với cùng kỳ năm trước, trong đó có 263 đảng viên mới kết nạp là người có đạo, 793 đảng viên trong độ tuổi Đoàn, 731 đảng viên dân tộc thiểu số. Có 229/262 đảng bộ cơ sở có kết nạp đảng viên mới, 18 đảng bộ cơ sở không còn quần chúng; 141/485 chi bộ cơ sở có kết nạp đảng viên; trong đó 136 chi bộ cơ sở không còn quần chúng.

¹⁰ Như 02 năm liền “Không hoàn thành nhiệm vụ”; đang trong thời gian thi hành kỷ luật lại tiếp tục có vi phạm; được cấp có thẩm quyền kết luận có suy thoái về tư tưởng chính trị, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” hoặc vi phạm về đạo đức, lối sống; vi phạm về trách nhiệm nêu gương, những điều đảng viên không được làm, uy tín thấp; tự ý trả thẻ hoặc hủy thẻ đảng viên; giám sát ý chí phấn đấu, không làm tròn nhiệm vụ đảng viên; tự ý bỏ sinh hoạt đảng; không liên hệ làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng; không chấp hành chuyển sinh hoạt đảng; không báo cáo với cấp ủy, chi bộ để gia hạn thời gian miễn sinh hoạt đảng

- Từ đầu nhiệm kỳ đến ngày 31/12/2023, toàn Đảng bộ đưa ra khỏi Đảng 646 trường hợp (*khai trừ 77 đảng viên*); số rà soát, sàng lọc theo Chỉ thị số 28-CT/TW 569 đảng viên (*xóa tên 324 đảng viên; xin ra khỏi đảng 245 đảng viên*).

(*Có biểu thống kê, phân tích kèm theo*).

II. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

- Việc tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TW, Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy được đa số các cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện nghiêm túc. Công tác xây dựng tổ chức đảng và phát triển đảng viên từ đầu nhiệm kỳ đến nay được Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy trực thuộc quan tâm chỉ đạo; các cấp ủy, tổ chức đảng triển khai nhiều giải pháp tạo nguồn, bồi dưỡng, kết nạp, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên và đạt nhiều kết quả quan trọng; số lượng, chất lượng đảng viên được nâng lên, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng trong tình hình mới. Nhiều cấp ủy đảng quan tâm phát triển đảng viên ở thôn, tổ dân phố ít đảng viên hoặc chi bộ sinh hoạt ghép, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có đạo. Công tác tạo nguồn kết nạp đảng viên là học sinh, sinh viên trong các trường học, kết nạp đảng viên là người lao động trong các doanh nghiệp có chuyển biến tích cực.

- Công tác quản lý đảng viên, rà soát, sàng lọc đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng được đa số cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện đúng theo Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tổ chức Tỉnh ủy; việc thường xuyên rà soát, sàng lọc đội ngũ đảng viên nhằm phát hiện những đảng viên yếu kém, phai nhạt lý tưởng, không hoàn thành nhiệm vụ, không thực hiện đúng quy định về chuyên sinh hoạt đảng để kịp thời xử lý, đưa ra khỏi Đảng, góp phần thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, Kết luận số 21-KL/TW khóa XIII gắn với thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

2. Hạn chế, nguyên nhân

2.1. Hạn chế

- Việc tổ chức, quán triệt, triển khai Chỉ thị số 28-CT/TW, Hướng dẫn, Kế hoạch ở một số chi bộ, cấp ủy chưa thường xuyên, chưa sâu, kỹ. Công tác tạo nguồn phát triển đảng viên ở khu dân cư, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có đạo, trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước còn hạn chế; cơ cấu kết nạp đảng viên ở một số loại hình chưa hợp lý (*chủ yếu là viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập chiếm gần 50%/tổng số kết nạp đảng hàng năm*); hồ sơ, thủ tục, quy trình thẩm tra kết nạp người vào Đảng chưa tinh gọn. Công tác phối hợp của các cơ quan, đơn vị trong công tác tạo nguồn phát triển đảng chưa được quan tâm đúng mức; một số cấp ủy đăng ký chỉ tiêu nhưng thiếu kế hoạch tạo nguồn cụ thể.

- Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đảng viên ở một số ít cấp ủy thiếu thường xuyên, chưa toàn diện; một số đảng viên giảm sút ý chí phấn đấu, không

làm nhiệm vụ đảng viên, đã được chi bộ giáo dục nhưng không tiến bộ; một số chi bộ thôn, tổ dân phố có đảng viên bỏ sinh hoạt hoặc xin ra khỏi Đảng nhưng trong sinh hoạt chi bộ thường kỳ, chuyên đề chưa bàn về tình trạng đảng viên vắng nhiều kỳ hoặc bỏ sinh hoạt đảng, xin ra khỏi Đảng mà không rõ lý do để có những giải pháp kịp thời, phù hợp.

2.2. Nguyên nhân

- Việc xác định cơ cấu nguồn phát triển đảng của một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa rõ, chưa đúng định hướng; phân công chỉ đạo, giao chỉ tiêu chưa sát, còn túng trong thực hiện. Một số cấp ủy hiểu chưa đúng, đầy đủ về chủ trương “*không chạy theo số lượng*”, một số cấp ủy vẫn còn tư tưởng “*dễ làm, khó bỏ*”, hoặc còn tư tưởng thụ động (*không khảo sát, rà soát, phân công, đôn đốc, không cử người theo dõi, giúp đỡ, mở các lớp bồi dưỡng, tạo nguồn rồi để đó,...*). Công tác tuyên truyền, bồi dưỡng lý tưởng, đạo đức cách mạng cho quần chúng chưa được quan tâm đúng mức; việc thực hiện nêu gương chưa tốt của một số ít cán bộ, đảng viên,... ảnh hưởng đến tư tưởng, mong muốn vào Đảng của quần chúng. Nhiều chủ doanh nghiệp, người lao động trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước nhận thức chưa đầy đủ về chủ trương phát triển đảng; một bộ phận thanh niên ít tham gia sinh hoạt các hội, đoàn thể. Sự dịch chuyển về dân số ở nông thôn sang các đô thị, khu công nghiệp ngày càng lớn, nhất là dân số trong độ tuổi lao động (*từ 18 - 35 tuổi, chiếm 1/4 dân số toàn tỉnh*) cũng ảnh hưởng đến tạo nguồn phát triển Đảng. Một số cấp ủy, tổ chức đảng ở cơ sở chưa phối hợp tốt với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác tạo nguồn phát triển đảng viên. Một số tổ chức chính trị - xã hội còn bị động lựa chọn, giới thiệu quần chúng ưu tú cho Đảng.

- Một số quần chúng khi được giới thiệu kết nạp Đảng chưa thực sự ưu tú, nổi trội, nên sau khi được kết nạp chưa thực hiện tốt nhiệm vụ chi bộ giao, không tự tu dưỡng rèn luyện, bỏ sinh hoạt đảng, không đóng đảng phí phải xóa tên danh sách đảng viên. Một số đảng viên động cơ phần đầu vào Đảng chưa đúng đắn, rõ ràng, vì lợi ích cá nhân, do đó khi không đạt được thì không còn tha thiết với Đảng; một số đảng viên ở khu vực nông thôn, quân nhân xuất ngũ điều kiện kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, không tìm được việc làm tại địa phương, phải đi làm ăn xa nên dẫn đến bỏ sinh hoạt đảng; công tác phối hợp giữa tổ chức đảng có đảng viên chuyển sinh hoạt đảng đi với tổ chức đảng có đảng viên chuyển sinh hoạt đảng đến ở một số nơi chưa chặt chẽ, vì vậy vẫn còn trường hợp đảng viên bỏ sinh hoạt đảng trong quá trình chuyển sinh hoạt đảng.

3. Khó khăn, vướng mắc

- Cán bộ, công chức trong cơ quan, đơn vị hiện nay đa số là đảng viên, thu hẹp biên chế, ít tuyển mới nên nguồn kết nạp hạn chế; quần chúng trẻ ở nông thôn có xu hướng thoát ly khỏi địa phương đi xuất khẩu lao động, đi học tập, làm ăn xa, thanh niên ở đô thị chủ yếu tập trung làm kinh tế nhỏ lẻ; công nhân, người lao động trong các doanh nghiệp sản xuất thu nhập thấp, chỗ ở không ổn định, vì vậy việc tạo nguồn kết nạp gặp nhiều khó khăn.

- Việc nắm tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên đôi lúc chưa kịp thời; việc theo dõi, quản lý đảng viên đi làm ăn xa nơi cư trú có lúc, có nơi chưa chặt chẽ,

gặp nhiều khó khăn về việc trao đổi, nắm bắt thông tin, nhất là đảng viên có việc làm không ổn định, di chuyển nhiều nơi; thủ tục miễn sinh hoạt đảng cho đảng viên đi làm ăn xa nơi cư trú phải thực hiện hằng năm, chưa có quy định miễn sinh hoạt đảng trong thời gian dài nên đảng viên không tham gia sinh hoạt đảng, phải xóa tên trong danh sách đảng viên.

- Công tác xây dựng Đảng nói chung và công tác kết nạp đảng trong doanh nghiệp nói riêng là việc làm rất khó, nhất là trong giai đoạn hiện nay doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, thách thức trong sản xuất kinh doanh, giảm lao động, thay đổi chủ sở hữu đã tác động không thuận lợi đến công tác tạo nguồn, kết nạp đảng viên.

III. Một số nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới

1. Thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 28-CT/TW và Hướng dẫn số 02-HD/BTCTW; Kế hoạch số 100-KH/TU và Công văn số 3313-CV/TU, ngày 13/2/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, nhất là ở các chi bộ. Chỉ đạo các tổ chức đảng rà soát, có giải pháp tạo nguồn, giao chỉ tiêu, tiến độ thực hiện, đảm bảo phù hợp với thực tiễn, đạt tỷ lệ kết nạp đảng viên hằng năm đạt 3 - 4%/tổng số đảng viên; chú trọng tạo nguồn là đoàn viên, thanh niên, lãnh đạo các chi hội đoàn thể, bộ đội xuất ngũ, quân chủng ở ngành y tế, giáo dục, học sinh, sinh viên, vùng đồng bào có đạo, dân tộc thiểu số. Nâng cao chất lượng các lớp bồi dưỡng, nhận thức về Đảng; quan tâm giáo dục, giúp đỡ, phân công theo dõi quần chúng sau khi học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng. Quan tâm theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc để biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân thực hiện tốt; kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những tổ chức đảng, đảng viên chưa thực hiện tốt.

Chỉ đạo cấp ủy cơ sở, chi bộ thôn, tổ dân phố bố trí thời gian sinh hoạt phù hợp, nội dung phong phú, đa dạng; theo dõi số đảng viên vắng mặt thường xuyên để kịp thời nhắc nhở; thực hiện nghiêm túc việc kiểm điểm, nhận xét đảng viên nhằm khắc phục tình trạng nể nang, hình thức trong nhận xét, đánh giá đảng viên cuối năm. Kịp thời rà soát danh sách đảng viên đi làm ăn xa, yêu cầu các đảng viên làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng hoặc thực hiện đúng quy trình miễn sinh hoạt đảng theo quy định, tăng cường trao đổi thông tin giữa tổ chức đảng nơi đảng viên đang sinh hoạt với tổ chức đảng nơi đảng viên đến làm việc, cư trú.

2. Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh phối hợp với các cấp ủy tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 63-CTr/TU, ngày 12/6/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp tư nhân; đẩy mạnh công tác tạo nguồn, phát triển đảng trong khu vực kinh tế tư nhân.

3. Ban Thường vụ Tỉnh đoàn tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, truyền thống cách mạng cho đoàn viên, thanh niên, gắn với thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động, các đợt sinh hoạt chính trị do Đoàn các cấp phát động,... Qua đó giúp đoàn viên, thanh niên nâng cao nhận thức, ý thức giác ngộ về Đảng, xây dựng và hình thành thái độ, động cơ phấn đấu vào Đảng đúng đắn; thường xuyên phối hợp với các cấp ủy thực hiện có hiệu quả công tác phát triển đảng trong học sinh, sinh viên.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn tổ chức các hoạt động, phong trào thi đua yêu nước, đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt thiết thực, nhằm tạo diễn đàn cho đoàn viên, hội viên tham gia; qua đó phát hiện, giúp đỡ, bồi dưỡng, giáo dục, tạo nguồn giới thiệu quần chúng ưu tú vào Đảng.

5. Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy nghiên cứu kỹ các văn bản của Trung ương, của tỉnh; đánh giá đúng thực trạng khuyết điểm, hạn chế, nguyên nhân để đơn đốc, hướng dẫn các cấp ủy trực thuộc thực hiện tốt các nội dung Chỉ thị số 28-CT/TW và Hướng dẫn số 02-HD/BTCTW; Kế hoạch số 11-KH/TU và Kế hoạch số 100-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (*báo cáo*),
- BTC Trung ương (*báo cáo*),
- Vụ III - BTC Trung ương,
- Các ban Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, BTV Tỉnh đoàn,
- Thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, TH3.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Trần Đình Văn

THÔNG KÊ
ĐẢNG VIÊN MỚI KẾT NẠP
(Từ năm 2020 đến năm 2023)

Biểu 1

| | THỰC HIỆN | | | |
|--|--------------|--------------|--------------|--------------|
| | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| I. Đảng viên mới kết nạp | 1,159 | 1,227 | 1,195 | 1,425 |
| <i>Trong đó:</i> - Kết nạp lại | | | | |
| - Phụ nữ | 628 | 652 | 682 | 731 |
| - Dân tộc ít người | 191 | 200 | 203 | 266 |
| - Tôn giáo | 174 | 189 | 182 | 263 |
| - Là đoàn viên TNCS HCM | 645 | 648 | 621 | 793 |
| - Chủ doanh nghiệp tư nhân | | | | 3 |
| - Quân chủng vi phạm chính sách KHHGD | 6 | 4 | 4 | 1 |
| - Có quan hệ hôn nhân với người nước ngoài | | | | |
| II. Phân tích đảng viên mới kết nạp : | 1,159 | 1,227 | 1,195 | 1,425 |
| 1. Nghề nghiệp | 1,159 | 1,227 | 1,195 | 1,425 |
| - Cán bộ, công chức cơ quan Nhà nước từ cấp huyện trở lên | 102 | 160 | 117 | 90 |
| - Cán bộ, công chức cơ quan Đảng, Mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị xã hội tính từ cấp huyện trở lên | 6 | 3 | 5 | 11 |
| - Người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn | 195 | 128 | 172 | 141 |
| - Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản (ấp, khóm) | 98 | 89 | 76 | 119 |
| - Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập | 473 | 542 | 523 | 682 |
| - Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập | 7 | 1 | 16 | 9 |
| - Lãnh đạo, quản lý và lao động trong các doanh nghiệp, chia ra | 98 | 120 | 113 | 89 |
| + Người lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp | 15 | 17 | 9 | 3 |
| + Nhân viên, người gián tiếp sản xuất | 52 | 95 | 102 | 75 |
| + Công nhân, lao động trực tiếp sản xuất | 31 | 8 | 2 | 11 |
| - Người làm nông, lâm, ngư nghiệp | 67 | 90 | 87 | 155 |
| - Sĩ quan, chiến sỹ quân đội, công an | 85 | 76 | 63 | 52 |
| - Sinh viên | 7 | 7 | 12 | 7 |
| - Học sinh | 1 | | 4 | 14 |
| - Khác (lao động hợp đồng, tự do...) | 20 | 11 | 7 | 56 |
| 2. Tuổi đời : - 18 đến 30 tuổi | 618 | 620 | 527 | 747 |
| - Từ 31 - 35 tuổi | 326 | 367 | 367 | 370 |
| - Từ 36 - 40 tuổi | 134 | 157 | 195 | 205 |
| - Từ 41 - 45 tuổi | 58 | 56 | 76 | 81 |
| - Từ 46 - 50 tuổi | 17 | 23 | 22 | 15 |
| - Từ 51 - 55 tuổi | 4 | 1 | 8 | 3 |
| - Từ 55 - 60 tuổi | 2 | 3 | | 4 |
| - Trên 60 tuổi | | | | |

| | THỰC HIỆN | | | |
|--|--------------|--------------|--------------|--------------|
| | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 |
| <i>I</i> | 2 | 3 | 4 | 5 |
| + Tuổi bình quân | 30 | 30 | 31 | 30 |
| 3- Trình độ học vấn: | 1,159 | 1,227 | 1,195 | 1,425 |
| + Biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ | | | | |
| + Tiểu học | 1 | 3 | 1 | 2 |
| + Trung học cơ sở | 51 | 50 | 51 | 79 |
| + Trung học phổ thông | 1,107 | 1,174 | 1,143 | 1,344 |
| 4- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ : | 1,159 | 1,227 | 1,051 | 1,199 |
| + Công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ | 10 | 101 | 60 | 56 |
| + Trung học chuyên nghiệp | 137 | 170 | 57 | 74 |
| + Cao đẳng | 198 | 202 | 113 | 108 |
| + Đại học | 776 | 698 | 756 | 897 |
| + Thạc sỹ (tương đương) | 37 | 54 | 65 | 63 |
| + Tiến sỹ (tương đương) | 1 | 2 | | 1 |
| 5- Chức danh khoa học: | | | | |
| - Phó Giáo sư | | | | |
| - Giáo sư | | | | |
| III. Số tổ chức cơ sở đảng có đến cuối kỳ báo cáo : | 761 | 776 | 767 | 747 |
| 1. Đảng bộ cơ sở | 273 | 273 | 273 | 262 |
| <i>Trong đó :</i> 1. Có kết nạp đảng viên | 220 | 235 | 232 | 229 |
| 2. Không còn quân chúng | 8 | 9 | 14 | 18 |
| 2. Chi bộ cơ sở | 488 | 503 | 494 | 485 |
| <i>Trong đó :</i> + Có kết nạp đảng viên | 155 | 137 | 151 | 141 |
| + Không còn quân chúng | 74 | 77 | 103 | 136 |



THỐNG KÊ

kết quả rà soát, sàng lọc, đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng

Biểu 2

| Số TT | Tên đơn vị | Tổng số | Khai trừ | | | | Xóa tên | | | | | | | | Xin ra khỏi Đảng | | | | | | | | Nguyên nhân (nếu nguyên chính theo 03 nội dung thống kê) |
|-------|--------------------|---------|----------|------|------|------|---------|-------------------|------|-------------------|------|-------------------|------|-------------------|------------------|-------------------|------|-------------------|------|-------------------|------|-------------------|---|
| | | | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2020 | | 2021 | | 2022 | | 2023 | | 2020 | | 2021 | | 2022 | | 2023 | | |
| | | | | | | | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | |
| 1 | Thành ủy Đà Lạt | 126 | 1 | 2 | 4 | 8 | 14 | 1 | 4 | 1 | 14 | 1 | 21 | 2 | 19 | | 7 | | 13 | | 19 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Xin ra: Đi XKLĐ, do đi làm ăn xa. - Xóa tên: Bỏ SHĐ, không đóng đảng phí. - Khai trừ: Vi phạm pháp luật phải truy cứu trách nhiệm hình sự, sử dụng ma túy. |
| 2 | Huyện ủy Lạc Dương | 32 | 0 | 0 | 1 | 0 | 5 | 0 | 8 | 3 | 6 | 2 | 8 | 3 | 1 | 0 | 0 | 0 | 3 | 0 | 0 | 0 | <ul style="list-style-type: none"> - Khai trừ: Tự ý nghỉ việc - Xóa tên: Không đóng đảng phí 3 tháng trở lên (25 trường hợp), vi phạm phá rừng (1 trường hợp), không làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng (1 trường hợp). - Xin ra: Do bệnh hiểm nghèo, đi làm ăn xa, không sắp xếp được thời gian tham gia sinh hoạt Đảng |
| 3 | Huyện ủy Đơn Dương | 42 | | | | | 8 | 3 | 11 | 3 | 7 | | 5 | | 5 | | 5 | | 1 | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Xóa tên: Do bỏ sinh hoạt đảng; Xin ra khỏi đảng: Do điều kiện gia đình làm ăn xa |

| Số TT | Tên đơn vị | Tổng số | Khai trừ | | | | Xóa tên | | | | | | | | Xin ra khỏi Đảng | | | | | | | | Nguyên nhân (nêu nguyên chính theo 03 nội dung thống kê) | |
|-------|--------------------|---------|----------|------|------|------|---------|-------------------|------|-------------------|------|-------------------|------|-------------------|------------------|-------------------|------|-------------------|------|-------------------|------|-------------------|---|--|
| | | | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2020 | | 2021 | | 2022 | | 2023 | | 2020 | | 2021 | | 2022 | | 2023 | | | |
| | | | | | | | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | | TS |
| 4 | Huyện ủy Đức Trọng | 84 | | 1 | 1 | 2 | 13 | | 7 | | 7 | | 11 | 3 | 14 | | 8 | 1 | 12 | | 8 | 1 | <p>Khai trừ: Làm trái quy định trong việc quản lý tài chính; Lợi dụng chức vụ được giao để chiếm dụng, vay mượn tiền trái quy định.: Vi phạm nghiêm trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ, chức trách được giao; vi phạm pháp luật, Vi phạm luật ATGT bị Tòa xử tù treo.</p> <p>- Xóa tên: Bỏ sinh hoạt đảng, không đóng đảng phí mà không có lý do chính đáng.</p> <p>- Cho ra khỏi Đảng: Hoàn cảnh gia đình khó khăn, đi làm ăn xa nhà không thể tham gia sinh hoạt Đảng theo đúng quy định.</p> | |
| 5 | Huyện ủy Lâm Hà | 47 | 1 | | 1 | 1 | 16 | 9 | 10 | 4 | 2 | | 2 | | 5 | | 5 | | 2 | | | 2 | <p>- Xin ra tự viết đơn.</p> <p>- Xóa tên: Tự ý bỏ SHĐ</p> <p>- Khai trừ: Vi phạm pháp luật bị khởi tố hình sự.</p> | |
| 6 | Huyện ủy Di Linh | 57 | | | | 5 | 4 | 1 | 9 | 5 | 10 | 2 | 15 | 6 | 2 | | 5 | | 1 | | | 6 | 2 | Vi phạm pháp luật, bỏ sinh hoạt đảng, do bận công việc cá nhân đảng viên không tham gia sinh hoạt đảng được. |

| Số TT | Tên đơn vị | Tổng số | Khai trừ | | | | Xóa tên | | | | | | | | Xin ra khỏi Đảng | | | | | | | | Nguyên nhân (nêu nguyên chính theo 03 nội dung thống kê) | |
|-------|------------------|---------|----------|------|------|------|---------|-------------------|------|-------------------|------|-------------------|------|-------------------|------------------|-------------------|------|-------------------|------|-------------------|------|-------------------|---|---|
| | | | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2020 | | 2021 | | 2022 | | 2023 | | 2020 | | 2021 | | 2022 | | 2023 | | | |
| | | | | | | | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | | TS |
| 7 | Huyện ủy Bảo Lâm | 35 | | | 3 | 3 | 9 | 2 | 2 | 1 | | | 3 | 2 | 5 | | | | 5 | | 5 | | | <ul style="list-style-type: none"> - Xóa tên: không đóng đảng phí nhiều kì, bỏ sinh hoạt đảng mà không có lý do. - Xin ra: do điều kiện sức khỏe, đau ốm phải điều trị dài ngày, hoàn cảnh kinh tế khó khăn phải đi làm ăn xa. - Khai trừ: Vi phạm pháp luật, bị xử lý hình sự; Vô tổ chức, vô kỷ luật, cố ý vi phạm bỏ vị trí công tác làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của đơn vị, của chi bộ nhiều tháng liên tục, làm ảnh hưởng đến uy tín của chi bộ và nhà trường, gây dư luận xấu trong cán bộ, đảng viên, giáo viên và nhân dân, Thiếu tu dưỡng, rèn luyện, suy thoái về đạo đức lối sống; vi phạm quy định nêu gương; vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm pháp luật. |
| 8 | ThU Bảo Lộc | 64 | 1 | 1 | 1 | 4 | 6 | | 4 | | 9 | 1 | 7 | 2 | 6 | | | 7 | | 6 | | 12 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Khai trừ: vi phạm pháp luật. - Xóa tên: Không tham gia sinh hoạt đảng, không đóng đảng phí trên 3 tháng. - Xin ra khỏi đảng: hoàn cảnh gia đình, thường xuyên đi làm ăn xa, không sắp xếp thời gian sinh hoạt Đảng đúng quy định. |

| Số TT | Tên đơn vị | Tổng số | Khai trừ | | | | Xóa tên | | | | | | | | Xin ra khỏi Đảng | | | | | | | | Nguyên nhân (nêu nguyên chính theo 03 nội dung thống kê) |
|-------|-------------------|---------|----------|------|------|------|---------|-------------------|------|-------------------|------|-------------------|------|-------------------|------------------|-------------------|------|-------------------|------|-------------------|------|-------------------|--|
| | | | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2020 | | 2021 | | 2022 | | 2023 | | 2020 | | 2021 | | 2022 | | 2023 | | |
| | | | | | | | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | |
| 9 | Huyện ủy Đạ Huoai | 18 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | | 1 | | 2 | | 1 | | 2 | 1 | 1 | | 1 | | 5 | 2 | Xóa tên: Do Bỏ SH nhiều kỳ; Khai trừ: VP những điều đảng viên không được làm; vay mượn tiền có đơn kiện; đánh bài; buôn chất nổ; nhận hối lộ. xin ra: do Hoàn cảnh GD phải đi làm ăn xa không có thời gian SHĐ và người nhà đau bệnh phải đưa đi bệnh viện để chữa bệnh nhiều lần. |
| 10 | Huyện ủy Đạ Tẻh | 39 | | 3 | 1 | 3 | 1 | | 2 | | 2 | | 3 | | 4 | | 6 | | 6 | | 8 | | Khai trừ : Do vi phạm pháp luật (phạt tù). - Xóa tên: Vi phạm ĐLĐ (tự ý bỏ sinh hoạt đảng). - Xin ra: Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, làm đơn xin ra khỏi Đảng. |
| 11 | Huyện ủy Cát Tiên | 37 | | 2 | 1 | 1 | 7 | | 5 | 1 | 4 | | 7 | 2 | 1 | | 2 | | 3 | | 4 | | - Khai trừ: Vi phạm chính sách dân số nhiều lần; vi phạm pháp luật. - Xóa tên: Bỏ sinh hoạt Đảng và không đóng Đảng phí nhiều kỳ liên tiếp (quá 03 tháng liên tiếp); tự ý trả thẻ đảng viên. Trường hợp xóa tên đảng viên dự bị: Bỏ sinh hoạt Đảng và không đóng Đảng phí nhiều kỳ; không chấp hành thông báo triệu tập của Đảng ủy cử đi học lớp bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho đảng viên mới, không đủ điều kiện xét công nhận đảng viên dự bị thành đảng viên chính thức. - Xin ra: Điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, đi làm ăn xa, nơi làm việc không ổn định không thể tham gia sinh hoạt Đảng. |

| Số TT | Tên đơn vị | Tổng số | Khai trừ | | | | Xóa tên | | | | | | | | Xin ra khỏi Đảng | | | | | | | | Nguyên nhân (nêu nguyên chính theo 03 nội dung thống kê) |
|-------|-------------------------------|---------|----------|------|------|------|---------|-------------------|------|-------------------|------|-------------------|------|-------------------|------------------|-------------------|------|-------------------|------|-------------------|------|-------------------|---|
| | | | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2020 | | 2021 | | 2022 | | 2023 | | 2020 | | 2021 | | 2022 | | 2023 | | |
| | | | | | | | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | |
| 12 | HU Đam Rông | 33 | | | 3 | 5 | 8 | | 3 | | 4 | | 3 | | 0 | | 1 | | 3 | | 3 | | - Khai Trừ: vi phạm phải truy cứu trách nhiệm hình sự. - Xóa tên: bỏ sinh hoạt không đóng đảng phí. - Xin ra: do hoàn cảnh gia đình khó khăn phải đi làm ăn xa, bỏ sinh hoạt không đóng đảng phí. |
| 13 | Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh | 17 | 1 | | 1 | 8 | | 1 | | 2 | 1 | 1 | | 2 | | | | | | | 1 | | - Khai Trừ: vi phạm pháp luật bị truy cứu trách nhiệm HS, không chấp hành sự phân công, . - Xóa tên: bỏ sinh hoạt không đóng đảng phí; vi phạm pháp luật bị khởi tố. - Xin ra: Đi nước ngoài sống; không sắp xếp được thời gian sinh hoạt Đảng. |
| 14 | Đảng ủy Khối Doanh nghiệp | 4 | | | | 1 | 1 | | | | | | 1 | 1 | | | | | | | | | Xóa tên: Vi phạm chuyên môn; Bỏ sinh hoạt trên 6 tháng. Xin ra: Do hoàn cảnh gia đình. |
| 15 | Đảng ủy Công an tỉnh | 6 | | | | | 4 | 1 | | | | | 1 | | | | 1 | | | | | | Xóa tên: Ra quân, Bỏ sinh hoạt, không chuyển sinh hoạt đảng về địa phương nơi cư trú; không đủ tiêu chuẩn công nhận đảng viên chính thức. Xin ra; Do Tự viết đơn xin ra khỏi Đảng, đồng thời xin xuất ngũ. |
| 16 | Đảng ủy Quân sự tỉnh | 3 | | 1 | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | 1 | | Khai trừ: Do chiếm đoạt tài sản công của đơn vị; Vay mượn nợ các đối tượng xã hội mất khả năng chi trả. Xin ra khỏi Đảng: Tư tưởng không an tâm, vay mượn tiền đối tượng ngoài xã hội mất khả năng chi trả. |

| Số TT | Tên đơn vị | Tổng số | Khai trừ | | | | Xóa tên | | | | | | | | Xin ra khỏi Đảng | | | | | | | | Nguyên nhân (<i>nêu nguyên chính theo 03 nội dung thống kê</i>) | |
|------------------|--------------------------|------------|----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-------------------|-----------|-------------------|-----------|-------------------|-----------|-------------------|------------------|-------------------|-----------|-------------------|-----------|-------------------|-----------|-------------------|--|---|
| | | | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2020 | | 2021 | | 2022 | | 2023 | | 2020 | | 2021 | | 2022 | | 2023 | | | |
| | | | | | | | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | TS | Trong đó đv dự bị | | TS |
| 17 | Đảng ủy Trường ĐH Đà Lạt | 2 | | | | | 1 | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | Xóa tên: Tự ý bỏ sinh hoạt Đảng nhiều kỳ không có lý do, không đóng đảng phí. |
| 18 | Đảng ủy Viện nghiên cứu | 0 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Không có. |
| Tổng cộng | | 646 | 5 | 11 | 19 | 42 | 98 | 17 | 68 | 18 | 69 | 7 | 89 | 20 | 67 | 1 | 48 | 1 | 56 | 0 | 74 | 8 | | |

THỐNG KÊ

kết quả rà soát, sàng lọc, đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng

Biểu 3

| Số TT | TIÊU CHÍ | Số lượng | Tỷ lệ % so với tổng số đảng viên |
|----------|---|-----------------------|----------------------------------|
| | | (từ năm 2020 đến nay) | |
| | Tổng số đảng viên bị xoá tên, xin ra khỏi Đảng | 569 | 0.0117 |
| I | Đảng viên bị xoá tên | 324 | 0.0066 |
| 1 | Độ tuổi | 324 | 0.0066 |
| | 18 đến 30 tuổi | 109 | 0.0022 |
| | 31 đến 40 tuổi | 137 | 0.0028 |
| | 41 đến 50 tuổi | 40 | 0.0008 |
| | 51 đến 60 tuổi | 28 | 0.0006 |
| | Trên 60 tuổi | 10 | 0.0002 |
| 2 | Trình độ học vấn | 324 | 0.0066 |
| | Tiểu học | 1 | 0.0000 |
| | Trung học cơ sở | 56 | 0.0011 |
| | Trung học phổ thông | 267 | 0.0055 |
| 3 | Chuyên môn nghiệp vụ | 324 | 0.0066 |
| | Chưa qua đào tạo | 193 | 0.0040 |
| | Sơ cấp | 4 | 0.0001 |
| | Trung cấp | 42 | 0.0009 |
| | Cao đẳng | 14 | 0.0003 |
| | Đại học | 71 | 0.0015 |
| 4 | Lý luận chính trị | 324 | 0.0066 |
| | Chưa qua đào tạo | 289 | 0.0059 |
| | Sơ cấp | 19 | 0.0004 |
| | Trung cấp | 16 | 0.0003 |
| | Cao cấp, cử nhân | 0 | 0.0000 |
| 5 | Chi bộ nơi đảng viên sinh hoạt trước khi bị xoá tên | 324 | 0.0066 |
| | Khu dân cư (thôn, tổ dân phố) | 274 | 0.0056 |
| | Cơ quan nhà nước | 6 | 0.0001 |
| | Lực lượng vũ trang | 17 | 0.0003 |
| | Các doanh nghiệp | 5 | 0.0001 |
| | Đơn vị sự nghiệp | 19 | 0.0004 |
| | Khác | 3 | 0.0001 |
| 6 | Nghề nghiệp khi bị xoá tên | 324 | 0.0066 |
| | Người làm thuê, lao động tự do, buôn bán, nông dân, vệ sĩ, nội trợ... | 193 | 0.0040 |
| | Bộ đội hoàn thành nghĩa vụ (KNĐ ở địa phương; KNĐ thời gian tại ngũ) | 62 | 0.0013 |
| | Công an hoàn thành nghĩa vụ (KNĐ ở địa phương; KNĐ thời gian tại ngũ) | 15 | 0.0003 |
| | Người lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp | 4 | 0.0001 |
| | Cán bộ, công chức, viên chức đang công tác | 16 | 0.0003 |
| | Cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu | 13 | 0.0003 |
| | Sĩ quan, chiến sĩ công an, quân đội đang công tác | 3 | 0.0001 |
| | Người hoạt động không chuyên trách ấp, khu phố đang làm việc | 18 | 0.0004 |

| Số TT | TIÊU CHÍ | Số lượng | Tỷ lệ % so với tổng số đảng viên |
|-----------|---|-----------------------|----------------------------------|
| | | (từ năm 2020 đến nay) | |
| | <i>Trong đó:</i> Đảng viên dự bị | 54 | 0.0011 |
| | Đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng | 2 | 0.0000 |
| 7 | <i>Nội dung bị xoá tên</i> | 324 | 0.0066 |
| | Tự ý bỏ sinh hoạt | 283 | 0.0058 |
| | Không nộp hồ sơ chuyển sinh hoạt đảng | 10 | 0.0002 |
| | Không thực hiện chế độ chuyển sinh hoạt Đảng | 4 | 0.0001 |
| | Không đủ điều kiện công nhận đảng viên chính thức | 3 | 0.0001 |
| | Không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị theo quy định | 1 | 0.0000 |
| | Từ ý trả thẻ đảng viên | 1 | 0.0000 |
| | Không đóng đảng phí 03 tháng trong năm | 9 | 0.0002 |
| | Giảm sút ý chí phấn đấu | 7 | 0.0001 |
| | Vi phạm tư cách 02 năm liền | 0 | 0.0000 |
| | Suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống | 4 | 0.0001 |
| | Theo Điều 2, Quy định 127-QĐ/TW | 0 | 0.0000 |
| | Các lý do khác (ghi ra cụ thể): | 1 | 0.0000 |
| | - Không hoàn thành nhiệm vụ chi bộ giao | 1 | 0.0000 |
| II | Đảng viên xin ra khỏi Đảng | 245 | 0.0050 |
| 1 | <i>Độ tuổi</i> | 245 | 0.0050 |
| | 18 đến 30 tuổi | 50 | 0.0010 |
| | 31 đến 40 tuổi | 102 | 0.0021 |
| | 41 đến 50 tuổi | 45 | 0.0009 |
| | 51 đến 60 tuổi | 32 | 0.0007 |
| | trên 60 tuổi | 16 | 0.0003 |
| 2 | <i>Trình độ học vấn</i> | 245 | 0.0050 |
| | Tiểu học | 2 | 0.0000 |
| | Trung học cơ sở | 29 | 0.0006 |
| | Trung học phổ thông | 214 | 0.0044 |
| 3 | <i>Chuyên môn nghiệp vụ</i> | 245 | 0.0050 |
| | Chưa qua đào tạo | 109 | 0.0022 |
| | Sơ cấp | 8 | 0.0002 |
| | Trung cấp | 28 | 0.0006 |
| | Cao đẳng | 30 | 0.0006 |
| | Đại học | 66 | 0.0014 |
| | Thạc sỹ | 3 | 0.0001 |
| | Tiến sỹ | 0 | 0.0000 |
| | Phó giáo sư, giáo sư | 1 | 0.0000 |
| 4 | <i>Lý luận chính trị</i> | 245 | 0.0050 |
| | Chưa qua đào tạo | 198 | 0.0041 |
| | Sơ cấp | 29 | 0.0006 |
| | Trung cấp | 16 | 0.0003 |
| | Cao cấp, cử nhân | 2 | 0.0000 |
| 5 | <i>Chi bộ nơi đảng viên sinh hoạt trước khi xin ra khỏi Đảng</i> | 245 | 0.0050 |
| | Khu dân cư (thôn, tổ dân phố) | 197 | 0.0040 |
| | Đơn vị sự nghiệp | 27 | 0.0006 |
| | Cơ quan nhà nước | 5 | 0.0001 |
| | Các doanh nghiệp | 5 | 0.0001 |
| | Lực lượng vũ trang | 4 | 0.0001 |

| Số TT | TIÊU CHÍ | Số lượng | Tỷ lệ % so với tổng số đảng viên |
|----------|---|-----------------------|----------------------------------|
| | | (từ năm 2020 đến nay) | |
| | Khác: Ghi ra | 7 | 0.0001 |
| 6 | <i>Nghề nghiệp trước khi xin ra khỏi Đảng</i> | 245 | 0.0050 |
| | Người làm thuê, lao động tự do, buôn bán, nông dân, vệ sĩ, nội trợ... | 137 | 0.0028 |
| | Chiến sĩ hoàn thành nghĩa vụ quân sự (KNĐ ở địa phương, KNĐ thời gian tại ngũ) | 18 | 0.0004 |
| | Chiến sĩ hoàn thành nghĩa vụ công an (KNĐ thời gian tại ngũ) | 5 | 0.0001 |
| | Cán bộ, công chức, viên chức đang công tác | 30 | 0.0006 |
| | Công nhân, người lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp | 8 | 0.0002 |
| | Cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu | 22 | 0.0005 |
| | Người hoạt động không chuyên trách ấp, khu phố đang làm việc | 21 | 0.0004 |
| | <i>Trong đó:</i> Đảng viên dự bị | 15 | 0.0003 |
| | Đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng | 3 | 0.0001 |
| 7 | <i>Nội dung xin ra khỏi Đảng</i> | 245 | 0.0050 |
| | Hoàn cảnh gia đình khó khăn | 101 | 0.0021 |
| | Theo Điều 2, Quy định 127-QĐ/TW (về đảng viên có quan hệ hôn nhân với người nước ngoài, kết nạp những người có quan hệ hôn nhân với người nước ngoài vào Đảng). | 1 | 0.0000 |
| | Đi làm ăn xa | 85 | 0.0017 |
| | Lao động hợp đồng tự do thường xuyên thay đổi địa bàn | 18 | 0.0004 |
| | Tư tưởng không an tâm CT, xin ra khỏi ngành và xin ra khỏi Đảng | 6 | 0.0001 |
| | Định cư nước ngoài, xuất khẩu lao động | 16 | 0.0003 |
| | Sức khỏe yếu, tai nạn, đi bệnh viện thường xuyên | 15 | 0.0003 |
| | Theo tôn giáo chưa được công nhận | 1 | 0.0000 |
| | Không sắp xếp được thời gian tham gia sinh hoạt Đảng | 2 | 0.0000 |